



Rx Thuốc bán theo đơn

Impory®

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.
Đề xa tầm tay trẻ em.
Bảo ngay cho bác sỹ hoặc dược sỹ những tác dụng
không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc
Thuốc này chỉ dùng theo đơn thuốc.

➤ **Thành phần công thức thuốc:**

Piracetam..... 1200 mg
Tá dược: Nipagin, Nipasol, Natri saccharin, Dung dịch sorbitol 70%, Đường trắng, natri acetat, acid acetic băng, màu tartrazin, nước tinh khiết vừa đủ 6ml

➤ **Dạng bào chế:**

Dung dịch uống. Chất lỏng trong suốt, màu vàng nhạt, vị ngọt, sau rất đắng.

➤ **Chỉ định:**

- Điều trị triệu chứng chóng mặt.
- Ở người cao tuổi: Điều trị suy giảm trí nhớ, chóng mặt, kém tập trung, hoặc thiếu linh táo, thay đổi khí sắc, rối loạn hành vi, kém chú ý đến bản thân, sa sút trí tuệ do nhồi máu não nhiều ổ.
- Điều trị nghiện rượu.
- Điều trị bệnh thiếu máu hồng cầu liềm (piracetam có tác dụng ức chế và làm hồi phục hồng cầu liềm in vitro và có tác dụng tốt trên người bệnh bị thiếu máu hồng cầu liềm).
- Điều trị hỗ trợ chứng khó đọc ở trẻ em.

➤ **Cách dùng, liều dùng:**

Liều dùng:

Liều thường dùng là 30-160 mg/kg/ngày, tùy thuộc vào chỉ định. Thuốc được dùng đường uống, chia đều ngày 2 lần hoặc 3-4 lần.

- *Suy giảm nhận thức sau chấn thương não (có kèm chóng mặt hoặc không):*
Liều ban đầu là 7 - 10 ống/ngày; liều duy trì là 2 ống/ngày, uống ít nhất trong ba tuần.

- *Điều trị nghiện rượu:* 10 ống một ngày trong thời gian cai rượu đầu tiên. Điều trị duy trì: Uống 2 ống/ngày.

- *Thiếu máu hồng cầu liềm:* 160 mg/kg/ngày, chia đều làm 4 lần.

- *Điều trị khó đọc cho trẻ:* liều 1 ngày là 2,5- 3 ống, chia 2 lần, uống trước khi ăn sáng và trước khi ăn tối. Thuốc này có thể dễ uống hơn nếu được dùng cùng nước hoa quả hay một số đồ uống khác. Nên điều trị liên tục trong suốt năm học.

- *Điều trị dài ngày các hội chứng tâm thần thực thể ở người cao tuổi:* 1-2 ống/ngày, tùy theo từng trường hợp. Liều có thể cao tới 4 ống/ngày trong những tuần đầu.

- *Cần hiệu chỉnh liều ở bệnh nhân suy gan, thận:*

Cl_{cr} 50 - 79 ml/phút: Dùng 2/3 liều bình thường, chia thành 2 - 3 lần/ ngày.

Cl_{cr} 30 - 49 ml/phút: Dùng 1/3 liều bình thường, chia thành 2 lần/ ngày.

Cl_{cr} 20 - 29 ml/phút: Dùng 1/6 liều bình thường, 1 lần/ ngày.

Không dùng thuốc nếu mức lọc cầu thận < 20 ml/ phút.

Cách dùng:

- Dùng theo đường uống. Nên uống thêm 1 cốc nước sau khi uống dung dịch thuốc để giảm vị đắng.

➤ **Chống chỉ định:**

Người bệnh suy thận nặng (hệ số thanh thải creatinin-Cl_{cr} < 20 ml/phút).

Người mắc bệnh múa giật Huntington.

Người bệnh suy gan.

Xuất huyết não.

➤ **Cảnh báo và thận trọng khi dùng thuốc:**

Vì piracetam được thải qua thận, nên nửa đời của thuốc tăng lên liên quan trực tiếp với mức độ suy thận và Cl_{cr}. Cần rất thận trọng khi dùng thuốc cho người bệnh bị suy thận. Cần theo dõi chức năng thận ở những người bệnh này và người bệnh cao tuổi.

Tránh dùng thuốc đột ngột ở bệnh nhân rung giật cơ do nguy cơ gây co giật.

Thận trọng trên bệnh nhân loét dạ dày, có tiền sử đột quy do xuất huyết, dùng cùng các thuốc gây chảy máu do tăng nguy cơ gây chảy máu. Thận trọng trong các phẫu thuật lớn do khả năng rối loạn đông máu liềm tăng.

➤ **Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú:**

Piracetam có thể qua nhau thai. Không nên dùng thuốc này cho người mang thai. Không nên dùng thuốc này cho người đang cho con bú.

➤ **Ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe và vận hành máy móc:**

Không nên dùng thuốc cho người đang lái xe hoặc đang vận hành máy móc.

➤ **Tương tác thuốc, tương kỵ thuốc:**

Vẫn có thể tiếp tục phương pháp điều trị kinh điển nghiện rượu (các vitamin và thuốc an thần) trong trường hợp người bệnh bị thiếu vitamin hoặc kích động

mạnh.

Đã có một trường hợp có tương tác giữa piracetam và tinh chất tuyến giáp khi dùng đồng thời: Lú lẫn, bị kích thích và rối loạn giấc ngủ.

Ở một người bệnh thời gian prothrombin đã được ổn định bằng warfarin lại tăng lên khi dùng piracetam.

Do không có các nghiên cứu về tính tương kỵ của thuốc, không trộn lẫn thuốc này với các thuốc khác.

☛ Tác dụng không mong muốn của thuốc:

Thường gặp, ADR > 1/100

Toàn thân: Mệt mỏi.

Tiêu hóa: Buồn nôn, nôn, ỉa chảy, đau bụng, trướng bụng.

Thần kinh: Bồn chồn, dễ bị kích động, nhức đầu, mất ngủ, ngủ gà.

Ít gặp, 1/1000 < ADR < 1/100

Toàn thân: Chóng mặt, tăng cân, suy nhược.

Thần kinh: Run, kích thích tinh dục, căng thẳng, tăng vận động, trầm cảm.

Huyết học: Rối loạn đông máu hoặc xuất huyết nặng.

Da: viêm da, ngứa, mề đay.

Có thể giảm nhẹ các tác dụng phụ của thuốc bằng cách giảm liều.

Báo ngay cho bác sĩ hoặc dược sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc

☛ Quá liều và cách xử trí:

Piracetam ít độc ngay cả khi dùng liều rất cao. Không cần thiết phải có những biện pháp đặc biệt khi dùng quá liều.

☛ Đặc tính dược lực học:

- Nhóm tác dụng dược lý: Thuốc hưng trí (cải thiện chuyển hóa của tế bào thần kinh).

- Mã ATC: N06BX03

Piracetam (dẫn xuất vòng của acid gamma amino-butyric, GABA) được coi là một chất có tác dụng hưng trí (cải thiện chuyển hóa của tế bào thần kinh) mặc dù còn chưa biết nhiều về các tác dụng đặc hiệu cũng như cơ chế tác dụng của nó.

Piracetam tác động lên một số chất dẫn truyền thần kinh như acetylcholin, noradrenalin, dopamin... Điều này có thể giải thích tác dụng tích cực của thuốc lên sự học tập và cải thiện khả năng thực hiện các test về trí nhớ. Thuốc có thể làm thay đổi sự dẫn truyền thần kinh và góp phần cải thiện môi trường chuyển hóa để các tế bào thần kinh hoạt động tốt. Trên thực nghiệm, piracetam có tác dụng bảo vệ chống lại những rối loạn chuyển hóa do thiếu máu cục bộ nhờ làm tăng đề kháng của não đối với tình trạng thiếu oxy. Piracetam làm tăng sự huy động và sử dụng glucose mà không lệ thuộc vào sự cung cấp oxy, tạo thuận lợi cho con đường pentose và duy trì tổng hợp năng lượng ở não. Piracetam tăng cường tỷ lệ phục hồi sau tổn thương do thiếu oxy bằng cách tăng sự quay vòng của các photphat vô cơ và giảm tích tụ glucose và acid lactic. Trong điều kiện bình thường cũng như khi thiếu oxy, piracetam làm tăng lượng ATP trong não do tăng chuyển ADP thành ATP; điều này có thể là một cơ chế để giải thích một số tác dụng có ích của thuốc. Tác động lên sự dẫn truyền tiết acetylcholin (làm tăng giải phóng acetylcholin) cũng có thể góp phần vào cơ chế tác dụng của thuốc. Thuốc còn có tác dụng làm tăng giải phóng dopamin và điều này có thể có tác dụng tốt lên sự hình thành trí nhớ. Thuốc không có tác dụng gây ngủ, an thần, hồi sức, giảm đau, an thần kinh hoặc bình thần kinh cũng như không có tác dụng của GABA.

Piracetam làm giảm khả năng kết tụ tiểu cầu và giảm độ nhớt của máu ở liều cao, trong trường hợp hồng cầu bị cứng bất thường thì thuốc có thể làm cho hồng cầu phục hồi khả năng biến dạng và khả năng đi qua các mao mạch. Thuốc có tác dụng chống giật rung cơ.

☛ Đặc tính dược động học:

Piracetam dùng theo đường uống được hấp thu nhanh chóng và hầu như hoàn toàn ở ống tiêu hóa. Sinh khả dụng đạt gần 100%. Nồng độ đỉnh trong huyết tương (40 - 60 microgram/ml) xuất hiện 30 phút sau khi uống một liều 2 g. Nồng độ đỉnh trong dịch não tủy đạt được sau khi uống thuốc 2 - 8 giờ. Hấp thu thuốc không thay đổi khi điều trị dài ngày. Thể tích phân bố khoảng 0,6 lít/kg. Piracetam ngấm vào tất cả các mô và có thể qua hàng rào máu - não, nhau - thai và cả các màng dùng trong thẩm tích thận. Thuốc có nồng độ cao ở vỏ não, thùy trán, thùy đỉnh và thùy chẩm, tiểu não và các nhân vùng đáy. Nửa đời trong huyết tương là 4 - 5 giờ; nửa đời trong dịch não tủy khoảng 6 - 8 giờ. Piracetam không gắn vào các protein huyết tương và được đào thải qua thận dưới dạng nguyên vẹn. Hệ số thanh thải piracetam của thận ở người bình thường là 86 ml/phút. 30 giờ sau khi uống, hơn 95% thuốc được thải theo nước tiểu. Nếu bị suy thận thì nửa đời thải trừ tăng lên: Ở người bệnh bị suy thận hoàn toàn và không hồi phục thì thời gian này là 48 - 50 giờ.

☛ Quy cách đóng gói: Ống 6 ml. Hộp 10 ống, 20 ống hoặc 30 ống kèm hướng dẫn sử dụng.

☛ Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

☛ Bảo quản: Để nơi khô ráo, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng trực tiếp.

☛ Tiêu chuẩn chất lượng: TCCS